

Số: 103/2022/QĐST-HNGĐ

K, ngày 05 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2022 giữa:
Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1990; ĐKKH và chỗ ở: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Chị Mai Thị Ngọc H, sinh năm 1999; ĐKKHKT: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Xóm 8, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn B và chị Mai Thị Ngọc H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Anh Trần Văn B và chị Mai Thị Ngọc H xác nhận vợ chồng có hai người con chung là Trần Đức T, sinh ngày 09/3/2016 và Trần Thị Khánh N sinh ngày 10/12/2018. Vợ chồng ly hôn anh Biên và chị H thoả thuận anh Biên trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Đức T. Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Khánh N. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Anh Trần Văn Biên và chị Mai Thị Ngọc H thoả thuận để anh Biên nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000^d, nhưng được khấu trừ vào số tiền

300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/4876 ngày 15/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Anh B cũn được nhận lại số tiền 150.000^d trong tổng số tiền tạm ứng án phí đó nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh